

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN P-TECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN P-TECH
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: P-TECH MECHANICAL ELECTRICAL CONSTRUCTION COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt: P-TECH MECHANICAL ELECTRICAL CONSTRUCTION CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3703186219

3. Ngày thành lập: 22/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 89/10 Đường Nguyễn Thị Chạy, Khu phố Tân Long, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0919 649 768

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, cửa tự động, đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh; Lắp đặt các công trình viễn thông, trụ cột anten, sản phẩm cơ khí ngành viễn thông; Thi công, lắp đặt hệ thống cách âm, cách nhiệt, tiêu âm; Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ, sắt, thép, inox; Lắp đặt hệ thống chống thấm, chống sét; Lắp đặt cửa nhôm, cửa kính; Lắp đặt khung, kèo thép; Lắp đặt nhà thép tiền chế; Lắp đặt giàn giáo, hệ thống điện nước; Lắp đặt hệ thống bảng hiệu hộp đèn, pano quảng cáo, mặt dựng; Lắp đặt các loại bồn tắm; Lắp đặt khung nhà sắt công nghiệp; Lắp đặt kết cấu thép và bê tông đúc sẵn, gia công lắp đặt kết cấu thép trong bê tông; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Đúc ép cọc bê tông (không hoạt động tại trụ sở). xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm cả đóng cọc. Thi công kết cấu gạch đá. Hoạt động khoan cọc nhồi	4390

5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản).	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, túi, ví, cặp, nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh; hàng gốm sứ, thủ tinh; đồ điện gia đình, đèn và các bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành); giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; dụng cụ, thể thao; dụng cụ y tế	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc ngành công - nông - ngư nghiệp, ngành xây dựng, thiết bị quang học - y tế - nha khoa - bệnh viện - nâng và bốc xếp, ngành giao thông - bưu chính viễn thông và truyền hình, thiết bị văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn máy móc, thiết bị hàn cắt kim loại. Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy. Bán buôn máy móc, thiết bị chống sét	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, kính, inox	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, véc ni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; thiết bị vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, ống nước nhựa	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đá mài, nhám, keo, chất bôi trơn. Bán buôn hóa chất công nghiệp (không tồn trữ hóa chất). Bán buôn vật tư, thiết bị ngành đóng tàu, ngành bao bì, ngành dầu khí, ngành cứu hộ, cứu nạn, ngành chiếu sáng, ngành nhựa, ngành môi trường, thủy lực, ngành thủy sản, ngành sơn; vật tư, thiết bị ngành bảo hộ lao động; vật tư, thiết bị bơm công nghiệp. Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, chống sét, phòng thí nghiệm, khuôn mẫu các loại, nồi hơi, can các loại, hộp số máy, lóc máy công nghiệp	4669
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng cây cảnh, cây bóng mát	0118
15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

16.	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc như: điện thoại cố định, điện thoại di động. Moder thiết bị truyền dẫn; thiết bị truyền thông tin liên lạc	9512
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Lập trình máy vi tính	6201
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội - ngoại thất công trình. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước theo tuyến. Khảo sát địa hình xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế nội - ngoại thất công trình. Thẩm tra thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình. Thẩm tra thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thẩm tra thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Thẩm tra thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Khảo sát địa chất công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi.	7110
23.	Quảng cáo	7310
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội - ngoại thất	7410

25.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn băng keo các loại, băng keo trong, băng keo đục, băng keo hai mặt, băng keo điện, băng keo màu, kẹp giấy, bìa nút, băng keo simili	4690
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở)	2651
31.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
32.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng	4789
33.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4799
34.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
35.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).	5210
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
38.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
39.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
40.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190

41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu: cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: động cơ, dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, thiết bị sản xuất điện ảnh, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học. Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: mô tô, xe lưu động, cắm trại, động cơ tàu hỏa. Cho thuê container. Cho thuê pallet	7730
42.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
43.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ, nội thất	3100
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3312
47.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3319
50.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc ngành công - nông - ngư nghiệp, ngành xây dựng, thiết bị quang học - y tế - nha khoa - bệnh viện - nâng và bốc xếp, ngành giao thông - bưu chính viễn thông và truyền hình, thiết bị văn phòng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
58.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
61.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC VÂN NHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082190018150

Ngày cấp: 03/07/2022

Nơi cấp: CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH
VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh Thới, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Vĩnh Thới, Xã Vĩnh Kim, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt
Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương